

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KON RẪY

Số: *1414* /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Rẫy, ngày *30* tháng *12* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao rừng gắn liền với đất lâm nghiệp cho Cộng đồng dân cư các thôn trên địa bàn xã Đăk Pnê, huyện Kon Rẫy

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt Kế hoạch giao rừng gắn liền với đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Kon Rẫy năm 2021;

Căn cứ Văn bản số 3405/SNN-KH ngày 8/11/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh Kế hoạch giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Kon Rẫy năm 2021;

Xét đề nghị của UBND xã Đăk Pnê tại Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 28/11/2022; Biên bản làm việc liên ngành ngày 14/12/2022 và đề xuất của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 90/TTr-TNMT ngày 28/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao rừng gắn liền với đất lâm nghiệp cho Cộng đồng dân cư thôn: Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn 4, xã Đăk Pnê, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum, quản lý 319,32 ha, trong đó:

- Đất có rừng: 296,86 ha;
- Đất không có rừng: 22,46 ha.

1. Cộng đồng thôn 1: Diện tích giao: 123,70ha, trong đó: Đất có rừng: 109,33ha; Đất không có rừng: 14,37ha (Tại: Tiểu khu 526, tiểu khu 528, tiểu khu 530, tiểu khu 531).

2. Cộng đồng thôn 2: Diện tích giao: 85,30ha, trong đó: Đất có rừng: 85,30ha; Đất không có rừng: 0ha (Tại: Tiểu khu 524; tiểu khu 525; tiểu khu 527).

3. Cộng đồng thôn 3: Diện tích giao: 27,06ha, trong đó: Đất có rừng: 27,06ha; Đất không có rừng: 0ha (Tại: Tiểu khu 527, tiểu khu 529).

4. Cộng đồng thôn 4: Diện tích giao: 83,26ha, trong đó: Đất có rừng: 75,17ha; Đất không có rừng: 8,09ha (Tại: Tiểu khu 529; tiểu khu 531; tiểu khu 533).

(Có biểu thống kê chi tiết các vị trí kèm theo)

- Mục đích sử dụng: Sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; kết hợp sản xuất kinh doanh rừng, gần hưởng lợi trực tiếp sản phẩm từ rừng và các dịch vụ môi trường rừng tạo ra.

- Thời hạn sử dụng rừng là 50 năm, kể từ ngày ký Quyết định này.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ bản đồ đo đạc, điều tra tài nguyên rừng phục vụ công tác giao rừng gắn liền với đất lâm nghiệp năm 2021; tại các tiểu khu 524, 525, 526, 527, 528, 529, 530, 531, 533 tỷ lệ 1/10.000; tại xã Đăk Pnê, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum; do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Anh Quyền Kon Tum lập ngày 21/11/2022 và được Liên ngành thống nhất ngày 14/12/2022.

- Đặc điểm khu rừng được giao thể hiện trong hồ sơ giao rừng kèm theo Quyết định này.

- Cộng đồng dân cư các thôn: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4 - xã Đăk Pnê được giao rừng có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng diện tích rừng được giao đúng mục đích theo các quy định của Luật lâm nghiệp.

Điều 2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Hạt Kiểm lâm huyện, UBND xã Đăk Pnê, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện, Trung tâm nghiên cứu quản trị tài nguyên vùng cao (CEGORN), Đơn vị tư vấn tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

- Thông báo cho Cộng đồng dân cư thôn: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4 - xã Đăk Pnê thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý rừng và đất lâm nghiệp được giao.

- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất, giao rừng trên thực địa.

- Chính lý hồ sơ địa chính và cập nhật hồ sơ giao rừng theo thẩm quyền.

- UBND xã Đăk Pnê chịu trách nhiệm trong việc theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng rừng của cộng đồng dân cư thôn sau khi nhận giao rừng; trường hợp diện tích rừng được giao sử dụng không hiệu quả hoặc sử dụng sai mục đích thì tổng hợp, báo cáo để xem xét tham mưu cấp có thẩm quyền thu hồi để giao rừng cho đối tượng khác quản lý, sử dụng hiệu quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện Kon Rẫy; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện, Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện, Chủ tịch UBND xã Đăk Pnê và Cộng đồng dân cư được giao đất, giao rừng có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *wle*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, 02 PCT UBND huyện;
- Trung tâm VH-TT-TT&DL (đăng tin);
- Lưu: VT. *l*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



VÕ VĂN LƯƠNG

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KON RẪY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIỂU THỐNG KÊ CHI TIẾT CÁC VỊ TRÍ GIAO RỪNG

(Kèm theo Quyết định số: 1414/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 của UBND huyện Kon Rẫy)

STT	Xã	Cộng đồng thôn	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)
1	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	1	1	0,37
2	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	1	2	3,31
3	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	2	1	0,1
4	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	2	2	6,14
5	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	2	3	1,51
6	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	2	4	1,49
7	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	3	1	1,79
8	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	3	2	0,55
9	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	3	3	0,2
10	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	3	4	0,02
11	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	3	5	0,38
12	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	3	6	0,88
13	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	3	7	0,08
14	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	4	1	3,66
15	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	4	2	0,5
16	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	4	3	0,38
17	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	4	4	1,41
18	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	5	1	3,15
19	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	5	2	0,97
20	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	6	1	3,25
21	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	6	2	0,42
22	Đăk Pne	CĐ thôn 1	526	6	3	0,04
23	Đăk Pne	CĐ thôn 1	528	1	1	0,52
24	Đăk Pne	CĐ thôn 1	528	1	2	0,81
25	Đăk Pne	CĐ thôn 1	528	1	3	1,09
26	Đăk Pne	CĐ thôn 1	528	2	1	0,01
27	Đăk Pne	CĐ thôn 1	528	2	2	0,99
28	Đăk Pne	CĐ thôn 1	528	6	1	0,74
29	Đăk Pne	CĐ thôn 1	528	8	1	0,5
30	Đăk Pne	CĐ thôn 1	528	8	2	0,4
31	Đăk Pne	CĐ thôn 1	530	1	1	5,33
32	Đăk Pne	CĐ thôn 1	530	1	2	0,27
33	Đăk Pne	CĐ thôn 1	530	1	3	0,17
34	Đăk Pne	CĐ thôn 1	530	1	4	0,18
35	Đăk Pne	CĐ thôn 1	530	1	5	0,08
36	Đăk Pne	CĐ thôn 1	530	1	6	0,32
37	Đăk Pne	CĐ thôn 1	530	1	7	0,64
38	Đăk Pne	CĐ thôn 1	530	1	8	2,38
39	Đăk Pne	CĐ thôn 1	530	1	9	7,42

ỦY BAN NHÂN DÂN

(Chữ ký)

STT	Xã	Cộng đồng thôn	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)
40	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	1	10	1,14
41	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	1	11	0,68
42	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	2	1	0,99
43	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	2	2	1,14
44	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	2	3	0,92
45	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	3	1	0,03
46	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	3	2	0,58
47	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	3	3	0,02
48	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	3	4	0,72
49	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	3	5	0,41
50	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	3	6	0,39
51	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	3	7	0,42
52	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	3	8	0,14
53	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	3	9	8,34
54	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	530	5	1	0,51
55	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	1	0,97
56	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	2	0,21
57	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	3	0,01
58	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	4	0,41
59	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	5	0,01
60	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	6	0,14
61	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	7	0,04
62	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	8	16,64
63	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	9	0,01
64	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	10	0,08
65	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	11	0,48
66	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	12	0,24
67	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	13	0,01
68	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	14	0,79
69	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	15	0,44
70	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	16	0,19
71	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	17	0,04
72	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	1	18	0,27
73	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	1	3,79
74	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	2	0,05
75	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	3	0,01
76	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	4	0,56
77	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	5	0,21
78	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	6	1,17
79	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	7	0,08
80	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	8	0,01
81	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	9	0,01
82	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	10	0,06
83	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	11	0,63
84	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	12	0,03

E. W. H.

STT	Xã	Cộng đồng thôn	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)
85	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	13	0,71
86	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	14	0,62
87	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	15	5,01
88	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	16	0,01
89	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	17	0,42
90	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	18	1,23
91	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	2	19	0,07
92	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	3	9	0,73
93	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	3	11	3,57
94	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	3	18	2,19
95	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	3	20	0,06
96	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	3	22	0,05
97	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	3	23	0,02
98	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	4	1	0,96
99	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	4	2	0,03
100	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	4	3	1,47
101	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	4	4	2,58
102	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	4	5	0,01
103	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	4	6	0,92
104	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	4	7	1,3
105	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	4	8	0,15
106	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	4	9	2,36
107	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	4	10	0,14
108	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	4	11	0,14
109	Đăk Pnê	CĐ thôn 1	531	4	12	2,48
Cộng Cộng đồng thôn 1						123,7
1	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	1	0,58
2	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	2	0,63
3	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	3	0,16
4	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	4	4,82
5	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	5	0,43
6	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	6	0,64
7	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	7	0,11
8	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	8	0,04
9	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	9	0,12
10	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	10	0,31
11	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	11	0,77
12	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	12	1,16
13	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	13	4,98
14	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	14	1,72
15	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	15	1,26
16	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	16	1,29
17	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	17	3,58
18	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	18	0,03
19	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	524	7	19	0,54

STT	Xã	Cộng đồng thôn	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)
20	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	7	20	0,08
21	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	7	21	3,09
22	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	7	22	7,91
23	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	7	23	3,34
24	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	7	24	3,68
25	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	7	25	0,87
26	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	9	1	0,25
27	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	9	2	1,75
28	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	9	3	0,55
29	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	9	4	0,41
30	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	9	5	0,02
31	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	9	6	1,15
32	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	9	7	0,03
33	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	9	8	0,17
34	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	9	9	2,57
35	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	9	10	0,14
36	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	10	1	0,18
37	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	10	2	1,42
38	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	10	3	0,12
39	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	10	4	0,62
40	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	10	5	0,03
41	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	10	6	1
42	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	10	7	0,07
43	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	10	8	1
44	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	10	9	0,12
45	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	11	1	0,72
46	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	11	2	0,36
47	Đăk Pne	CĐ thôn 2	524	11	3	3,6
48	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	1	0,03
49	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	2	1,51
50	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	3	0,03
51	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	4	0,08
52	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	5	0,88
53	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	6	0,12
54	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	7	0,02
55	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	8	2,08
56	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	9	0,05
57	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	10	0,18
58	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	11	0,03
59	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	12	0,01
60	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	13	0,15
61	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	14	1,05
62	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	15	0,02
63	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	16	0,85
64	Đăk Pne	CĐ thôn 2	525	14	17	0,04

Handwritten signature

Vertical text on the right margin

STT	Xã	Cộng đồng thôn	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)
65	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	525	14	18	0,1
66	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	525	14	19	1,13
67	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	525	14	20	0,02
68	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	525	14	21	0,3
69	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	525	14	22	0,15
70	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	3	1	0,42
71	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	3	2	1,35
72	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	3	3	0,65
73	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	1	1,98
74	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	2	0,4
75	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	3	2,34
76	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	4	0,08
77	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	5	1,14
78	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	6	0,27
79	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	7	0,15
80	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	8	0,76
81	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	9	1,34
82	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	10	0,9
83	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	11	0,24
84	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	12	0,86
85	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	13	0,02
86	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	14	1,01
87	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	8	15	0,6
88	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	10	1	0,27
89	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	10	2	0,66
90	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	11	1	0,43
91	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	11	2	0,32
92	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	11	3	0,98
93	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	11	4	0,2
94	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	11	5	0,36
95	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	11	6	0,31
96	Đăk Pnê	CĐ thôn 2	527	11	7	0,01
Cộng Cộng đồng Thôn 2						85,3
1	Đăk Pnê	CĐ thôn 3	527	11	8	0,09
2	Đăk Pnê	CĐ thôn 3	527	11	9	0,52
3	Đăk Pnê	CĐ thôn 3	527	11	10	0,04
4	Đăk Pnê	CĐ thôn 3	529	5	1	0,08
5	Đăk Pnê	CĐ thôn 3	529	5	2	0,43
6	Đăk Pnê	CĐ thôn 3	529	5	3	0,25
7	Đăk Pnê	CĐ thôn 3	529	5	4	0,07
8	Đăk Pnê	CĐ thôn 3	529	8	1	0,6
9	Đăk Pnê	CĐ thôn 3	529	8	2	4,44
10	Đăk Pnê	CĐ thôn 3	529	8	3	1,8
11	Đăk Pnê	CĐ thôn 3	529	8	4	1,1
12	Đăk Pnê	CĐ thôn 3	529	8	5	0,02

Handwritten signature

STT	Xã	Cộng đồng thôn	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)
13	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	10	1	0,97
14	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	10	2	0,79
15	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	10	3	0,07
16	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	10	4	0,54
17	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	10	5	1,17
18	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	11	1	0,14
19	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	11	2	0,13
20	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	11	3	1,02
21	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	11	4	0,04
22	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	11	5	1,24
23	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	11	6	0,2
24	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	11	7	0,23
25	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	11	8	0,19
26	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	11	9	0,07
27	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	11	10	0,06
28	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	1	0,42
29	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	2	0,26
30	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	3	0,14
31	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	4	4,82
32	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	5	2,28
33	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	6	0,13
34	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	7	0,5
35	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	8	0,55
36	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	9	0,07
37	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	10	0,01
38	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	11	0,32
39	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	12	0,19
40	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	13	0,13
41	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	14	0,62
42	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	15	0,16
43	Đăk Pne	CĐ thôn 3	529	12	16	0,16
Cộng Cộng đồng thôn 3						27,06
1	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	15	1	0,03
2	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	15	2	0,01
3	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	15	3	0,47
4	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	15	4	0,11
5	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	15	5	1
6	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	15	6	0,18
7	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	15	7	0,63
8	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	15	8	0,94
9	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	15	9	0,2
10	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	15	10	0,97
11	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	15	11	1,59
12	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	15	12	2,26
13	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	16	1	0,34

Handwritten signature

STT	Xã	Cộng đồng thôn	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)
14	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	16	2	0,66
15	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	16	3	2,05
16	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	16	4	0,77
17	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	16	5	0,06
18	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	16	6	0,06
19	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	17	1	1,93
20	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	17	2	3,48
21	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	17	3	0,45
22	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	17	4	0,03
23	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	17	5	1,05
24	Đăk Pne	CĐ thôn 4	529	17	6	2,18
25	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	1	0,78
26	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	2	0,47
27	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	3	0,01
28	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	4	1,12
29	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	5	0,02
30	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	6	0,63
31	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	7	0,03
32	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	8	0,03
33	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	10	0,02
34	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	12	0,25
35	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	13	0,3
36	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	14	0,01
37	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	15	0,23
38	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	16	12,76
39	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	17	0,01
40	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	19	0,03
41	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	21	0,08
42	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	24	0,07
43	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	25	0,1
44	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	26	0,85
45	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	27	0,01
46	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	3	28	0,99
47	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	1	0,04
48	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	2	0,99
49	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	3	0,01
50	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	4	0,53
51	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	5	0,03
52	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	6	0,03
53	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	7	3,62
54	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	8	0,02
55	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	9	1,19
56	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	10	0,05
57	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	11	0,02
58	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	12	0,01

Đã kiểm tra

STT	Xã	Cộng đồng thôn	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)
59	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	13	0,92
60	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	14	0,13
61	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	15	0,06
62	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	16	2,91
63	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	17	0,1
64	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	18	3,3
65	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	19	0,65
66	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	20	0,01
67	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	21	0,05
68	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	22	0,41
69	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	23	2,01
70	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	24	0,08
71	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	25	0,05
72	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	26	1,04
73	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	27	0,06
74	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	28	0,05
75	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	29	0,38
76	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	30	0,02
77	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	31	0,85
78	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	32	0,39
79	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	33	1,03
80	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	34	0,53
81	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	35	0,01
82	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	36	0,59
83	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	37	0,03
84	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	38	0,06
85	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	39	2,11
86	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	40	1,12
87	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	41	0,01
88	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	42	0,01
89	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	43	0,08
90	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	44	0,15
91	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	45	0,02
92	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	46	1,02
93	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	47	0,01
94	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	5	48	0,75
95	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	6	1	0,22
96	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	6	2	1,75
97	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	6	3	0,54
98	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	6	4	0,14
99	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	6	5	0,04
100	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	6	6	0,01
101	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	6	7	0,01
102	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	6	8	0,13
103	Đăk Pne	CĐ thôn 4	531	6	9	2,25

Handwritten signature

Vertical text on the right margin

STT	Xã	Cộng đồng thôn	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)
104	Đăk Pnê	CĐ thôn 4	531	6	10	1,58
105	Đăk Pnê	CĐ thôn 4	531	6	11	0,01
106	Đăk Pnê	CĐ thôn 4	531	6	12	1,34
107	Đăk Pnê	CĐ thôn 4	531	6	13	2,72
108	Đăk Pnê	CĐ thôn 4	531	6	14	0,42
109	Đăk Pnê	CĐ thôn 4	531	6	15	0,08
110	Đăk Pnê	CĐ thôn 4	531	6	16	0,1
111	Đăk Pnê	CĐ thôn 4	533	4	1	0,76
112	Đăk Pnê	CĐ thôn 4	533	4	2	1,1
113	Đăk Pnê	CĐ thôn 4	533	4	3	0,8
114	Đăk Pnê	CĐ thôn 4	533	4	4	1,23
115	Đăk Pnê	CĐ thôn 4	533	4	5	0,24
Cộng Cộng đồng thôn 4						83,26
Tổng cộng						319,32

L. Wê

